

VÀI ĐỊA MẠO TRONG THI VĂN VIỆT

THÁI CÔNG TỤNG

I - Tổng quan về địa mạo (land form)

Địa mạo là những loại hình dạng của vỏ Trái Đất: Việt Nam có **nhều dạng địa mạo khác nhau**: vùng **đồi núi thấp**, vùng **địa hình bằng phẳng**, vùng **địa hình thung lũng bãi bồi**, vùng **địa hình núi sót**. Do diện tích rừng bị thu hẹp, thảm thực vật bị tàn phá nặng nề, nên các **tác động xâm thực ven sông suối**, các **rãnh xói trên bề mặt địa hình** đang có xu hướng gia tăng, đặc biệt trên các vùng có hoạt động kinh tế của con người.

Nước xâm thực (erosion) do tác động thủy lực, do bào mòn (weathering) do gió, do trượt đất, chui đất, do khi hậu mưa cuốn trôi, nhiệt độ, do hoá học khi nước acid làm hũy đá vôi v.v..Nước chuyên tải (transportation) các vật liệu và lắng tụ (deposition).

Biển, sông, hồ, suối là nơi tích lũy các **trầm tích** chủ yếu. Đồng bằng châu thổ là điển hình của quá trình trầm tích sông ngòi. Các **dòng sông** cũng có khả năng ăn mòn vào đá và tạo ra trầm tích mới nên có vùng bị **bào mòn, rửa trôi**, có vùng **tích tụ** (do có sự lắng đọng của các vật liệu xâm thực theo dòng chảy), có vùng vừa bị bào mòn, vừa tích tụ và lắng đọng, tạo nên các bậc thềm, các châu thổ, bãi bồi phù sa v.v..

Đồi, núi, đèo, thung lũng, vịnh, vũng, đầm, ao, ghènh, bãi bồi ...là các **địa mạo**

II - Địa mạo trong thi văn Việt

1/ Trong truyện Kiều

-Dưới cầu nước chảy trong veo
 Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha
 -Ngọn triều non bạc trùng trùng
 -Mit mù dậm cát **đồi cây**.

2./Trong **Chinh phụ Ngâm**. Tác giả đã lấy ngoại cảnh để thể hiện tâm trạng thương nhớ và cô đơn của chinh phụ một cách đặc sắc.

“Chàng thì đi cõi xa mưa gió,
 Thiếp thì về buồng củ chiếu chẵn
 Đoái trông theo đã cách ngăn
 Tuôn màu mây biếc, trải ngàn **núi xanh**”.

“Ngàn núi xanh” càng làm cho nỗi buồn cô đơn chân trời thêm xa xăm, cách trở. Câu thơ “tuôn màu ,mây biếc, trái ngàn núi xanh” là một câu thơ có hình tượng mỹ lệ và rất hay. Hình bóng người chồng thân yêu đâu còn nhìn thấy nữa, đã “cách ngăn”, bởi “ngàn núi xanh” cứ trải dài trải rộng và che khuất ở phía chân trời. Chinh phụ một mình một bóng lẻ loi giữa trống vắng bao la. Nỗi buồn cô đơn như thấm vào mây núi. Nỗi buồn cô đơn của nàng chinh phụ được khắc sâu, được tô đậm qua cách nói ước lệ tượng trưng ở đoạn song thất tiếp theo:

*“Chôn Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại,
Bến Tiêu Tương thiệp hỡi trông sang.
Bến Tiêu Tương cách Hàm Dương,
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng”.*

Hàm Dương và Tiêu Tương, hai địa danh trên đất nước Trung Hoa bao la, cách xa hàng nghìn dặm, được nhắc đi nhắc lại đến ba lần ám ảnh. Không gian địa lí bao la đã trở thành không gian nghệ thuật trống vắng. Cách nói ước lệ tượng trưng là một thủ pháp nghệ thuật của thi pháp cổ mang giá trị thẩm mỹ đặc sắc: tạo nên tính hàm súc và liên tưởng phong phú, đầy ý vị.

Chinh phụ ngâm khúc có nhiều đoạn thơ mang tính ước lệ rất hay:

-lúc thì gọi lên nỗi gian truân của khách chinh phụ trên chiến địa:

*“Nay Hàn xuống Bạch Thành đóng lại,
Mai Hồ vào Thanh Hải dòm qua
Hình khe, thế núi gần xa,
Đứt thôi lại nôi, thấp đà lại cao”.*

-lúc thì tái hiện một cách rùng rợn chốn sa trường:

*“Non Kì quanh quẽ trắng treo,
Bến Phì gió thổi đều hiu mấy gò.
Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh phụ trăng dôi dôi soi”.*

-Bốn câu thơ cuối đoạn đã cực tả nỗi buồn của nàng chinh phụ trong sự trông ngóng, nhớ thương:

*“Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai”.*

Các từ ngữ: “cùng trông lại”, “cùng chẳng thấy”, “thấy”, “ngàn dâu”. “Ngàn dâu”, “ai... ai” đã tạo nên nhạc điệu du dương, tha thiết, diễn ra một cách xúc động một tâm trạng đầy bi kịch thời loạn lạc. Biện pháp nghệ thuật liên hoàn và cách diễn tả trùng điệp là một nét rất tài hoa của nữ sĩ được thể hiện qua 4 câu song thất này. Chữ “thấy” cuối câu bảy ở trên được nhắc lại đầu câu bảy chữ ở dưới; chữ “ngàn dâu” cuối câu

bảy ở dưới lại được điệp lại đầu câu sáu, đã làm cho thơ liền mạch, làm nổi bật nỗi sầu, nỗi buồn li biệt diễn ra triền miên khôn nguôi trong tâm hồn chinh phụ.

3/ Trong thi văn Nguyễn Khuyến:

*Ao thu quanh que nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tĩ teo*

4/ Trong thơ Bà Huyện Thanh Quan

*Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá lá chen hoa*

5/ Trong thơ Nguyễn Trãi

*Côn Sơn suối chảy rì rầm,
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.
Côn Sơn có đá rêu phơi,
Ta ngồi trên đá như ngồi đệm êm.
Trong ghènh thông mọc như nêm,
Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm.
Trong rừng có bóng trúc râm,
Dưới màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.*

III - Địa mạo vùng đá vôi (thạch nhũ, hang động), tức địa hình cacxto.

Vùng đá vôi với các hang động, các vù đá ở **Quảng Bình** và một số nơi như **Ninh Bình, Hạ Long**. Trong các khối đá vôi thường có các khe nứt thẳng đứng và nằm ngang. Nước mưa chảy theo khe nứt này hòa tan đá vôi, mở rộng thành các **hang động**. Nước mưa khi quyển có chứa CO₂ sẽ hòa tan rất mạnh các khoáng vật thuộc nhóm cacbonat, sunfat, chuyển thành canxi bicacbonat (Ca(HCO₃)₂), theo công thức:



IV - Địa mạo vùng sông ngòi.

Các vật liệu trên núi bị nước xâm thực (erosion), bào mòn (weathering), do gió, mưa, do trượt đất, chuôi đất, do mưa cuốn trôi, do nhiệt độ, do hoá học khi nước acid làm hũy đá vôi v.v.. Nước chuyên tải các vật liệu và lang tu (deposition) tạo nên các **bậc thềm, các châu thổ, bãi bồi phù sa**.

*-Qua bến nước xưa, Lá hoa về chiều
-Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*

V - Địa mạo vùng biển.

*-Ngon triều non bạc trùng trùng
-Mit mù dậm cát đôi cây*

VI - Địa mạo vùng núi

Ta gặp các **địa mạo** như núi, đồi, khe suối trong thi văn :

*“Chàng thì đi cõi xa mưa gió,
Thiếp thì về buồng củ chiếu chắn
Đoái trông theo đã cách ngăn
Tuôn màu mây biếc, trái ngàn **núi xanh**”.*

Hình bóng người chồng thân yêu đâu còn nhìn thấy nữa, đã “cách ngăn”, bởi “ngàn núi xanh” cứ trải dài trải rộng và che khuất ở phía chân trời. Chinh phụ một mình một bóng lẻ loi giữa trống vắng bao la. Nỗi buồn cô đơn như thấm vào mây núi. “Ngàn núi xanh” càng làm cho chân trời thêm xa xăm, cách trở. Câu thơ “*tuôn màu ,mây biếc, trái ngàn núi xanh*” là một câu thơ có hình tượng mỹ lệ và rất hay. Nỗi buồn cô đơn của nàng chinh phụ được khắc sâu, được tô đậm qua cách nói ước lệ tượng trưng ở đoạn song thất tiếp theo:

*“Chôn Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại,
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng”.*

Hàm Dương và Tiêu Tương, hai địa danh trên đất nước Trung Hoa bao la, cách xa hàng nghìn dặm, được nhắc đi nhắc lại đến ba lần ám ảnh. Không gian địa lí bao la đã trở thành không gian nghệ thuật trống vắng. Cách nói ước lệ tượng trưng là một thủ pháp nghệ thuật của thi pháp cổ mang giá trị thẩm mỹ đặc sắc: tạo nên tính hàm súc và liên tưởng phong phú, đầy ý vị.

Chinh phụ ngâm khúc có nhiều đoạn thơ mang tính ước lệ rất hay:

-lúc thì gọi lên nỗi gian truân của khách chinh phụ trên chiến địa:

*“Nay Hàn xuống Bạch Thành đóng lại,
Mai Hồ vào Thanh Hải dòm qua
Hình **khe**, thế **núi** gần xa,
Đứt thôi lại nôi, thấp đà lại cao”.*

-lúc thì tái hiện một cách rùng rợn chốn sa trường:

*“**Non** Kì quanh quẽ trăng treo,
Bến Phì gió thổi đìu hiu mấy gò.
Hôn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh phụ trăng dôi dôi soi”.*
-Mit mù dậm cát **đôi cây**
Chàng thì đi cõi xa mưa gió,
Thiếp thì về buồng củ chiếu chắn
Đoái trông theo đã cách ngăn
Tuôn màu mây biếc, trái ngàn **núi xanh**”.

THÁI CÔNG TỤNG